TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST Ngày: 22 - 01 - 2021 V/v "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 640/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 422/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 332/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1973

Cư trú: Tổ 14, khóm Th, phường H1, thị xã C, tỉnh An Giang

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1973

Cư trú: Số 2/1 đường Đ, khóm L2, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa bà H vắng mặt, ông T có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh H quen biết nhau do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban thị trấn C, huyện C (nay là phường Th, thị xã C) vào năm 1994. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Lý do mâu thuẫn là do vợ ông mê cờ bạc, ông đã nhiều lần trả nợ thay, bây giờ thì vợ ông vẫn không sửa đổi. Ông không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, gia đình không hạnh phúc. Mặc dù ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, nên ông bà đã tự nguyện sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn bà H.

Quá trình chung sống, ông và bà H có 03 con chung là Trần Thị Yến Nh, sinh năm 1995; Trần Thị Thảo Nh2, sinh năm 1997 và Trần Văn T2 sinh năm 2002. Các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thanh H*:* Vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà H vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã/phường; ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố L. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Ông T cho rằng đến năm 2015, thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn với bà H. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bà H vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện bà H không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặt khác, ông T và bà H không còn chung sống với nhau. Điều này, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của ông T, bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định ông và bà H có 03 người con chung nhưng đều đã trưởng thành, không có tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này. Bà H không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về những nội dung này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 238; 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 9; 51; 53; 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh H

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0005696 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L (đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. L;
- UBND p. Th, tx. C;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Loan **Trần Thanh Việt** **Nguyễn Thùy Giang**